



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT – MAY NHA TRANG

ĐỊA CHỈ: KM 1447 QL1A – X. VĨNH PHƯƠNG

– TP. NHA TRANG – T. KHÁNH HÒA

ĐT: 058.3727241 – Website: www.detnhatrang.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

QUÝ 4 & CẢ NĂM 2016



Nha Trang, ngày 13 tháng 01 năm 2017

Nơi nhận:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

<u>TÀI SẢN</u>	<u>MÃ SỐ</u>	<u>Thuyết minh</u>	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		371.693.628.732	430.504.277.676
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.557.863.153	3.667.731.064
1. Tiền	111	V.1	3.557.863.153	3.667.731.064
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		179.568.632.983	206.249.282.286
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.1	107.743.635.134	141.336.266.836
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	64.649.889.861	63.654.337.727
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.1	9.163.724.542	3.247.294.277
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5.3	(1.988.616.554)	(1.988.616.554)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		188.025.982.911	213.530.263.456
1. Hàng tồn kho	141	V.6	188.025.982.911	213.530.263.456
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		541.149.685	7.057.000.870
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7.1	537.961.591	3.786.092.929
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.11.1	3.188.094	3.270.907.941
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		428.313.495.313	323.872.099.209
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		80.532.210.128	81.623.237.594
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3.2	80.526.818.222	81.444.539.771
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.2	5.391.906	178.697.823
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		122.474.054.144	136.734.965.880
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.19.1	118.009.214.028	131.900.621.740
- Nguyên giá	222		481.408.483.930	549.047.127.774
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(363.399.269.902)	(417.146.506.034)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.19.2	4.464.840.116	4.834.344.140
- Nguyên giá	225		5.542.560.188	5.542.560.188
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.077.720.072)	(708.216.048)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		202.692.610.875	89.681.667.898
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	202.692.610.875	89.681.667.898
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		15.583.725.000	15.528.915.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2.1	4.362.000.000	4.362.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2.2	11.221.725.000	11.166.915.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.030.895.166	303.312.837
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.2	6.952.167.095	132.147.145
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.9	78.728.071	171.165.692
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		800.007.124.045	754.376.376.885

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

<u>NGUỒN VỐN</u>	<u>MÃ SỐ</u>	<u>Thuyết minh</u>	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		569.727.399.765	512.429.920.524
I. Nợ ngắn hạn	310		408.300.408.010	444.845.669.780
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	113.213.209.132	111.146.713.083
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		40.391.197	34.936.242
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11.2	4.301.543.338	564.375.861
4. Phải trả người lao động	314		15.906.033.272	25.892.561.837
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	2.618.335.927	2.112.376.969
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	4.489.042.807	3.400.299.529
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14.1	265.362.213.330	299.708.813.692
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	2.369.639.007	1.985.592.567
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		161.426.991.755	67.584.250.744
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14.2	161.426.991.755	67.584.250.744
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

<u>NGUỒN VỐN</u>	<u>MÃ SỐ</u>	<u>Thuyết minh</u>	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		230.279.724.280	241.946.456.361
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	230.279.724.280	241.946.456.361
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		185.000.000.000	185.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		185.000.000.000	185.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.030.000.000	2.030.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		22.015.663.659	22.015.663.659
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.234.060.621	32.900.792.702
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		869.282.878	3.882.881.563
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		20.364.777.743	29.017.911.139
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		800.007.124.045	754.376.376.885

Người lập biểu

Nguyễn Thị Cẩm Vân

Kế toán trưởng

Hồ Đặng Như Duyên

Nha Trang, ngày 13 tháng 01 năm 2017

Tổng giám đốc



Võ Đình Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4/2016 và cả năm 2016

Đơn vị tính: VND

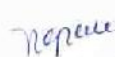
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm Trước	Năm nay	Năm Trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	265.706.851.990	337.971.470.638	1.048.014.872.545	1.306.752.661.977
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-	-	31.623.505
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	265.706.851.990	337.971.470.638	1.048.014.872.545	1.306.721.038.472
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	242.218.674.692	323.505.667.279	982.352.957.979	1.222.597.179.317
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.488.177.298	14.465.803.359	65.661.914.566	84.123.859.155
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	1.308.269.006	(2.645.527.329)	3.692.090.906	3.103.121.342
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	3.184.483.925	4.369.921.698	14.392.734.466	18.748.123.027
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.780.087.206	4.108.365.290	13.576.545.239	15.036.730.278
8. Chi phí bán hàng	24	VI.7	2.372.151.388	3.190.397.718	10.334.293.727	10.302.949.986
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	8.300.384.538	6.496.730.968	32.031.510.511	27.860.196.596
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.939.426.453	(2.236.774.354)	12.595.466.768	30.315.710.888
11. Thu nhập khác	31	VI.9	4.887.270.673	3.291.919.736	12.379.352.519	5.871.013.731
12. Chi phí khác	32	VI.10	30.744.356	11.393.479	35.611.382	75.058.570
13. Lợi nhuận khác	40		4.856.526.317	3.280.526.257	12.343.741.137	5.795.955.161
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.795.952.770	1.043.751.903	24.939.207.905	36.111.666.049
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.972.271.978	369.391.155	4.495.591.226	7.126.970.536
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.11	23.109.403	44.381.309	92.437.621	(33.215.626)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.800.571.389	629.979.439	20.351.179.058	29.017.911.139

Nha Trang, ngày 13 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Cẩm Vân

Hồ Đặng Như Duyên

Võ Đình Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 4/2016 và cả năm 2016

ĐVT: VND

TT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	QUÝ 4		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI KỲ BÁO CÁO	
				NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		283.735.730.271	255.613.144.870	1.152.584.577.235	1.213.709.732.982
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(211.443.400.736)	(277.749.686.620)	(831.761.876.624)	(1.047.405.108.220)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(27.789.329.653)	(41.901.594.135)	(146.206.798.520)	(166.929.573.908)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		(3.320.919.218)	(4.851.267.206)	(16.443.087.118)	(15.612.625.108)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(964.359.595)	(1.757.825.544)	(1.898.011.837)	(9.213.382.767)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.652.691.456	1.492.655.879	17.213.428.694	16.451.539.561
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(19.185.871.474)	(8.272.530.167)	(82.395.702.381)	(43.526.227.708)
	Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25.684.541.051	(77.427.102.923)	91.092.529.449	(52.525.645.168)
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1	Tiền chi để mua, xây dựng TSCĐ, các TS dài hạn khác	21		(19.984.689.946)	(7.598.686.665)	(129.186.203.447)	(14.954.897.217)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TS dài hạn khác	22		3.678.501.428	3.124.016.033	8.987.438.464	3.486.929.080
3	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(27.810.000)	-	(27.810.000)	-
4	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		34.647.550	-	1.451.730.255	1.425.707.923
	Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.299.350.968)	(4.474.670.632)	(118.774.844.728)	(10.042.260.214)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-	-	13.045.000.000
2	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		216.452.893.743	330.603.651.790	900.874.400.023	1.005.117.126.732
3	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(220.408.303.374)	(231.080.630.572)	(843.101.307.057)	(923.257.450.964)
4	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(257.499.999)	(257.499.999)	(1.030.099.996)	(1.029.999.996)
5	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho CSH	36		(5.383.000.000)	(18.183.000.000)	(29.600.000.000)	(29.600.000.000)
	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.595.909.630)	81.082.521.219	27.142.992.970	64.274.675.772

TT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	QUÝ 4		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI KỲ BÁO CÁO	
				NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	Lưu chuyển thuần trong kỳ	50		(210.719.547)	(819.252.336)	(539.322.309)	1.706.770.390
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.595.491.363	4.486.983.400	3.667.731.064	1.960.960.674
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		173.091.337	-	429.454.398	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	3.557.863.153	3.667.731.064	3.557.863.153	3.667.731.064

Người lập biên

Nguyễn Thị Cẩm Vân

Nguyễn Thị Cẩm Vân

Kế toán trưởng

Hồ Đặng Như Duyên

Hồ Đặng Như Duyên

Nha Trang, ngày 13 tháng 01 năm 2017

Tổng giám đốc



Võ Đình Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4/2016 và cả năm 2016

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1 Giấy phép hoạt động:

Công ty Cổ phần Dệt - May Nha Trang ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dệt Nha Trang theo Quyết định số 3956/QĐ-BCN ngày 02 tháng 12 năm 2005 của Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 08 tháng 8 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi sau đó như sau:

Thay đổi đăng ký kinh doanh	Số giấy chứng nhận	Ngày cấp
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 2	3703000219	27/09/2007
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 3	4200237973	22/12/2009
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 4	4200237973	11/06/2014

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 185.000.000.000 đồng và không thay đổi trong quá trình thay đổi đăng ký kinh doanh.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 11 tháng 6 năm 2014 bao gồm: Sản xuất các loại bông, xơ, sợi; Sản xuất các loại vải; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất hàng may mặc; Sản xuất các loại nguyên liệu, phụ liệu phục vụ ngành dệt may; Sản xuất giày dép; Sản xuất máy móc thiết bị, vật tư phụ tùng, bao bì phục vụ ngành dệt may; Sản xuất hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm phục vụ ngành dệt may; Mua bán các loại vải, hàng may mặc, giày dép; Mua bán máy móc thiết bị, vật tư phụ tùng, bao bì phục vụ ngành dệt may; Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm phục vụ ngành dệt may; Mua bán các loại bông, xơ, sợi, nguyên liệu, phụ liệu phục vụ ngành dệt may; Kinh doanh nhà và trung tâm thương mại; Cho thuê nhà văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa, đại lý mua bán ký gửi hàng hóa; Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, khu công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch; Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa máy móc thiết bị nhà xưởng; Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Xử lý chất thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt; Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, khu du lịch; Nhà hàng; Kinh doanh xăng dầu, chất đốt; Kinh doanh vật liệu xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Km 1447, Quốc lộ 1A, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Số lượng cán bộ và nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 2.591 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là: 2.949 người).

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú. Công ty mẹ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301446006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày ngày 22 tháng 02 năm 2009.

Trụ sở chính của công ty mẹ đặt tại số 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị trực thuộc Công ty

- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ : Số 54 Tôn Thất Tùng, P. Bến Thành, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh tại Thành phố Hà Nội
Địa chỉ : Số 378 Nguyễn Thị Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Hiện Chi nhánh này đã dừng hoạt động và đang làm thủ tục giải thể theo Quyết định của Hội đồng quản trị ngày 07/09/2011.

- ▶ Cửa hàng Centex

Địa chỉ : Số 12 Nguyễn Gia Thiều, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Công ty con

- ▶ Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Phú ("KPI")

Trụ sở chính: Số 12 Nguyễn Gia Thiều, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

2 Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Xuân Trình	Chủ tịch	25/04/2013	-
Ông Lê Ngọc Hoan	Ủy viên	25/04/2013	22/04/2016
Ông Võ Đình Hùng	Ủy viên	25/04/2013	-
Ông Trần Ngọc Nga	Ủy viên	25/04/2013	22/04/2016
Bà Nguyễn Thị Liên	Ủy viên	15/07/2013	22/04/2016
Ông Trần Văn Việt	Ủy viên	22/04/2016	-

3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

So sánh được vì từ 01/01/2015 Công ty thực hiện ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp mới.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1 Kỳ kế toán năm:

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Chế độ Kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng:

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính ban hành hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2 Chế độ Kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng:

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính ban hành hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là nhật ký chung.

4 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành ở Việt Nam.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1 Các loại tỷ giá hối đoái, nguyên tắc xác định lãi suất thực tế dùng để chiết khấu dòng tiền

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa.

Tại ngày 31/12/2016, tỷ giá mua là 22.720 VND/USD; tỷ giá bán là 22.800 VND/USD.

Tại ngày 31/12/2016, tỷ giá mua là 23.899 VND/EUR; tỷ giá bán là 24.232 VND/EUR.

2 Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50	năm
- Máy móc và thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	10	năm

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

7 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8 Tài sản cố định thuê tài chính và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

- | | | |
|-----------------------|----|-----|
| - Máy móc và thiết bị | 15 | năm |
|-----------------------|----|-----|

9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- 11**
- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
 - Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối kỳ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều năm được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16 Chi phí vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

V - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2016	01/01/2016
- Tiền mặt	99.178.506	176.610.756
- Tiền gửi ngân hàng	3.458.684.647	3.491.120.308
cộng	3.557.863.153	3.667.731.064
<i>Trong đó,</i>		
Tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại 01/01/2016	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
- Tiền gửi ngân hàng - USD	45.407,80	1.018.497.410
- Tiền gửi ngân hàng - EUR	2,86	69.884
Tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại 31/12/2016	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
- Tiền gửi ngân hàng - USD	51.501,83	1.170.121.578
- Tiền gửi ngân hàng - EUR	2,86	68.351
2.1. Đầu tư vào công ty con	31/12/2016	01/01/2016
- Công ty cổ phần đầu tư Khánh Phú	4.362.000.000	4.362.000.000
cộng	4.362.000.000	4.362.000.000
2.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	31/12/2016	01/01/2016
- Cổ phiếu CTCP Bông Tây Nguyên (2.688 CP)	266.915.000	266.915.000
- Góp vốn điều lệ thành lập CTCP xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú (90.000 CP)	954.810.000	900.000.000
- Công ty CP phát triển nhà và đô thị Huế Nha Trang (1.000.000 CP)	10.000.000.000	10.000.000.000
cộng	11.221.725.000	11.166.915.000
3.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	31/12/2016	01/01/2016
- Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	45.049.901.850	98.095.765.221
- Công ty Cổ Phần sản xuất và thương mại Phú Trà	864.902.256	864.902.256
- Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú	427.420.473	623.010.158
- Công ty Cổ phần đầu tư Khánh Phú	30.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Phong Phú	10.115.220.988	19.412.879.307
- Công ty Cổ phần Bông Miền Bắc	30.000.000	30.000.000
- Công ty TNHH Dệt May Thygesen Việt Nam	28.250.341	694.721.110
- Công ty TNHH SX-TM Thành Vinh	38.513.030.000	-
- Melcosa Việt Nam LTD.	1.275.693.920	-
- Itochu Corporation/Osasl	436.735.200	-
- Star Collabo Co., Ltd	16.906.861	-
- Sanmar Corporation	7.749.094.950	11.856.366.112
- Orchid Apparel LLC	1.356.574.848	3.433.375.801
- Các khách hàng khác	1.849.903.447	6.325.246.871
cộng	107.743.635.134	141.336.266.836

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

* Trong đó, số dư công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng có gốc ngoại tệ là: 476.990,36 USD - tương đương 10.837.220.979 VND

3.2 Phải thu dài hạn của khách hàng	31/12/2016	01/01/2016
- Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	80.526.818.222	81.444.539.771
cộng	80.526.818.222	81.444.539.771
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2016	01/01/2016
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú	11.339.707.298	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Phong Phú	44.963.177.401	45.000.000.000
Công ty TNHH TMDV&XD Phúc Minh	-	1.564.297.000
Công ty TNHH MTV Khai thác CTL Nam Khánh Hòa	-	3.207.600.000
Công ty TNHH Thanh Hà	-	622.634.490
Xí nghiệp xây lắp công nghiệp Điện lực Khánh Hòa	-	863.961.500
Công ty TNHH TMDV Công nghệ môi trường Bách Khoa	-	8.451.623.775
Công ty CP Thang máy Thiên Nam	-	541.600.000
Công ty TNHH TM DV Điện nước Khánh Hòa	-	493.227.272
Bà Trần Thị Khương	1.250.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cơ điện lạnh Âu Việt	1.387.965.000	-
Công ty CP Tập đoàn Toji	849.859.918	-
Công ty TNHH tư vấn và dịch vụ TQV	1.044.773.308	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí sản xuất Thương mại Nghĩa Thành	3.180.646.640	401.550.720
Công ty TNHH CN & TM Bình Điền	68.336.000	-
Các nhà cung cấp khác	565.424.296	2.507.842.970
cộng	64.649.889.861	63.654.337.727
5.1 Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2016	01/01/2016
- Tạm ứng cho CBCNV công ty	14.050.000	56.000.000
- Tiền lãi phải thu - CTCP Đầu tư phát triển Phong Phú	7.891.843.333	2.919.583.333
- Tạm ứng cổ tức năm 2016	1.000.000.000	-
- Thuế GTGT đầu vào của tài sản thuê tài chính	241.893.944	241.893.944
- Phải thu khác	15.937.265	29.817.000
cộng	9.163.724.542	3.247.294.277
5.2 Các khoản phải thu dài hạn khác	31/12/2016	01/01/2016
- Lãi tiền gửi khoản ký quỹ thuê tài chính dài hạn	5.391.906	-
- Ký quỹ thuê tài chính dài hạn	-	178.697.823
cộng	5.391.906	178.697.823

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.3 Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Dệt May Hapaco Hải Phòng	787.538.760	787.538.760
Công ty CP bông miền bắc	30.000.000	30.000.000
Công ty CP Vật tư XNK Tân Bình	35.875.532	35.875.532
Công ty CP VINATEX Đà Nẵng	39.314.957	39.314.957
Công ty TNHH SX TM DV XNK Hưng Thành Đạt	209.661.832	209.661.832
Công ty Cổ Phần sản xuất và thương mại Phú Trà	864.902.256	864.902.256
Doanh nghiệp tư nhân Hưng Phú Khánh Hòa	6.177.999	6.177.999
Công ty TNHH SX TM DV Trần Phong	7.189.618	7.189.618
Công ty CP Dụng cụ Thể thao Delta	4.000.000	4.000.000
Công ty TNHH MTV Vải Phụ liệu&Thiết bị May Thái Bình	3.955.600	3.955.600
cộng	1.988.616.554	1.988.616.554

*** Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:**

Số dư tại 01/01	1.988.616.554	2.177.008.324
Trích lập dự phòng bổ sung	-	64.459.620
Hoàn nhập dự phòng	-	(73.136.403)
Xóa nợ phải thu	-	(179.714.987)
Số dư cuối kỳ	1.988.616.554	1.988.616.554

6. Hàng tồn kho

	31/12/2016	01/01/2016
- Hàng mua đang đi trên đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	47.358.253.434	90.249.446.402
- Công cụ dụng cụ	36.022.219	4.800.950
- Chi phí SXKD dở dang ngắn hạn	63.092.974.947	55.218.016.100
- Thành phẩm	76.401.009.878	66.706.247.082
- Hàng hoá	40.444.543	1.351.752.922
- Hàng gửi bán	1.097.277.890	-
cộng	188.025.982.911	213.530.263.456

7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
- Chi phí phụ tùng	138.007.687	-
- Chi phí đồng phục	67.111.289	1.273.869.685
- Chi phí bảo hiểm nhà xưởng, hàng hóa	118.865.141	100.648.630
- Chi phí công cụ, dụng cụ	34.756.155	1.716.896.775
- Chi phí sửa chữa	156.721.311	694.677.839
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	22.500.008	-
cộng	537.961.591	3.786.092.929

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

7.2 Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2016	01/01/2016
- Chi phí phụ tùng	-	49.981.213
- Chi phí đồng phục	-	-
- Chi phí bảo hiểm nhà xưởng, hàng hóa	-	-
- Chi phí công cụ, dụng cụ	1.815.517.195	34.410.715
- Chi phí sửa chữa	-	47.755.217
- Chi phí trả trước dài hạn khác	5.136.649.900	-
cộng	6.952.167.095	132.147.145
8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2016	01/01/2016
- Mua sắm tài sản cố định	-	135.000.000
+ Mua xe đưa đón công nhân	-	135.000.000
- Xây dựng cơ bản dở dang	202.692.610.875	89.546.667.898
+ Dự án nhà máy sản xuất vải dệt kim	201.089.598.925	80.745.818.139
+ Dự án quy hoạch Nhà máy May 2 & May 4 theo Ican	-	8.732.667.940
+ Chương trình cải tạo NM May 2 thành Nhà ăn	-	68.181.819
+ Phương án lắp đặt bổ sung 01 máy tách xơ ngoại lai cho dây liên cung bông CO (NMS3)	1.603.011.950	-
cộng	202.692.610.875	89.681.667.898
9. Tài sản thuế TNDN hoãn lại	31/12/2016	01/01/2016
Tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ do khấu hao TSCĐ mua của Cty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	24.806.148	24.806.148
Tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ do ghi nhận chi phí trích trước Công cụ dụng cụ mua của Cty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	53.921.922	146.359.543
cộng	78.728.071	171.165.692
10. Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2016	01/01/2016
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	71.267.969.001	61.624.788.132
Công ty Cổ phần Xúc tiến TM&ĐT Phong Phú	6.009.650.962	9.006.224.530
Công ty Cổ phần Thuận Hải	1.757.729.276	-
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	1.545.656.500	2.524.777.190
Công ty TNHH Hóa chất Tân Phú Cường	348.617.500	739.970.000
Công ty TNHH MTV Dệt May 7	18.909.246.110	-
Công ty TNHH Brotex Việt Nam	1.444.716.000	-
Công ty TNHH Sao Mai Anh	19.880.001	1.185.872.600
Công ty TNHH SX TM Thành Phát	-	2.289.976.807
Công ty CP Thương mại Đầu tư Bất động sản Dương Trần	-	19.412.873.839

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

10. Phải trả người bán ngắn hạn (tiếp theo)	31/12/2016	1.170.121.578
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Công nghệ Ánh Dương	23.100.000	531.583.500
Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Nam Khánh Hòa	1.452.634.520	-
Công ty TNHH SX-TM-DV Hiệp Hòa	503.501.035	303.948.150
Công ty TNHH DV TM SX in dệt nhãn hiệu Thủ Đức	191.699.706	122.907.114
Công ty TNHH TM Tân Tiến Hưng	92.577.870	209.872.280
Công ty TNHH TM U.C.C	216.590.000	298.518.000
Công ty TNHH STD&S	150.351.300	107.481.000
Công ty TNHH TM Huy Quang	314.600.000	799.150.000
Công ty TNHH Hiệp Hưng	175.521.500	201.260.510
Công ty TNHH TM Tân Hiệp Tiến	273.719.500	981.165.120
DNTN Hồng Nam	202.104.100	273.000.860
Công ty CP Bao Bì 3/2	396.484.990	262.347.360
Công ty TNHH AVCO Việt Nam	177.056.000	286.110.000
Công ty TNHH Hà Trâm Vũ	5.571.896	1.664.173.637
Công ty TNHH MT	-	627.701.558
Công ty TNHH Chanchem	106.700.000	281.077.500
Ông Lê Công Hòa	737.464.009	888.180.180
Các nhà cung cấp khác	6.890.067.356	6.523.753.216
cộng	113.213.209.132	112.316.834.661

* Trong đó, số dư công nợ phải trả ngắn hạn người bán có gốc ngoại tệ là:

USD	191,73	4.371.444
EUR	4.741,05	114.885.124

11.1. Thuế GTGT được khấu trừ	31/12/2016	01/01/2016
-Thuế GTGT được khấu trừ	3.188.094	3.270.907.941
cộng	3.188.094	3.270.907.941

11.2. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2016	01/01/2016
- Thuế GTGT	1.114.719.507	11.099.740
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.060.183.273	462.603.884
- Thuế thu nhập cá nhân	126.640.558	90.672.237
cộng	4.301.543.338	564.375.861

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

11.3 Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp NSNN của Công ty trong kỳ như sau:

Chỉ tiêu	01/01/2016		Số phát sinh trong kỳ		31/12/2016	
	Phải thu	Phải trả	Số phải nộp	Số đã nộp/ được khấu trừ	Phải thu	Phải trả
Thuế phải nộp Nhà nước	3.270.907.941	564.375.861	39.097.184.834	32.092.297.510	3.188.094	4.301.543.338
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.270.907.941	11.099.740	22.414.541.473	18.043.201.859	3.188.094	1.114.719.507
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	2.499.480.010	2.499.480.010	-	-
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	77.208.531	77.208.531	-	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	462.603.884	4.495.591.226	1.898.011.837	-	3.060.183.273
- Thuế tài nguyên	-	-	65.880.000	65.880.000	-	-
- Thuế nhà đất	-	-	-	-	-	-
- Tiền thuế đất	-	-	7.445.771.100	7.445.771.100	-	-
- Thuế môn bài	-	-	4.500.000	4.500.000	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	90.672.237	1.312.498.976	1.276.530.655	-	126.640.558
- Các loại thuế khác	-	-	781.713.518	781.713.518	-	-
trong đó:						
+ Thuế nhà thầu nước ngoài	-	-	700.971.348	700.971.348	-	-
+ Thuế khác	-	-	80.742.170	80.742.170	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

12. Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2016	01/01/2016
- Chi phí trích trước kiểm toán	60.000.000	60.000.000
- Trích trước tiền điện	198.307.946	1.642.391.976
- Trích trước chi phí tư vấn	90.000.000	90.000.000
- Trích trước chi phí hoa hồng	30.732.193	10.012.290
- Trích trước chi phí lãi vay	361.030.200	309.972.703
- Trích trước chi phí thuê tài sản	1.878.265.588	-
cộng	2.618.335.927	2.112.376.969

13. Phải trả ngắn hạn khác	31/12/2016	01/01/2016
- Kinh phí công đoàn	1.255.379.872	1.324.635.033
- Bảo hiểm xã hội	820.478.588	349.053.791
- Bảo hiểm Y tế	1.890.818.757	1.063.103.614
- Bảo hiểm thất nghiệp	423.051.681	383.698.354
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	99.313.909	279.808.737
<i>Trong đó :</i>		
+ Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	90.000.000
+ Các khoản phải trả - khác	89.313.909	189.808.737
cộng	4.489.042.807	3.400.299.529

14.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	31/12/2016	01/01/2016
* Vay ngắn hạn	260.440.313.334	294.941.933.696
-Ngân hàng VCB - Chi nhánh Khánh Hòa	171.572.342.347	201.490.630.593
+ VCB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	171.572.342.347	177.595.671.765
+ VCB - Chi nhánh Khánh Hòa - USD	-	23.894.958.828
-Ngân hàng TMCP quân đội -Khánh Hòa	24.385.015.966	20.518.419.851
+ MB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	14.658.061.726	20.518.419.851
+ MB - Chi nhánh Khánh Hòa - USD	9.726.954.240	-
-Ngân hàng BIDV - Khánh Hòa	39.585.402.634	72.932.883.252
+ BIDV - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	39.585.402.634	72.932.883.252
-Ngân hàng HSBC Việt Nam	10.690.945.239	-
+ HSBC Việt Nam - VND	10.690.945.239	-
-Ngân hàng ICB Nha Trang	14.206.607.148	-
+ ICB Nha Trang - VND	14.206.607.148	-
* Vay dài hạn đến hạn trả	4.921.899.996	4.766.879.996
-Ngân hàng VCB - Chi nhánh Khánh Hòa	1.756.000.000	3.736.880.000
+ VCB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	1.756.000.000	1.756.000.000
+ VCB - Chi nhánh Khánh Hòa - USD	-	1.980.880.000

Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:

+ Dự án 6 máy dệt kim tròn và 1 máy nhuộm	740.000.000	740.000.000
+ Dự án lắp đặt trần laphong và hệ thống điều không	1.016.000.000	1.016.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

14.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)	31/12/2016	01/01/2016
+ Dự án 04 máy ghép -NMS3	-	1.080.480.000
+ Dự án 05 máy DK tròn + 15 máy DK phẳng	-	900.400.000
-Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Khánh Hòa	376.000.000	-
+ ABB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	376.000.000	-
Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:		
+ Phương án lắp đặt bổ sung 01 máy tách xơ ngoại lai cho dây liên cung bông CO (NMS3)	376.000.000	-
-Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Khánh Hòa	1.760.000.000	-
+ BIDV - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	1.760.000.000	-
Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:		
+ Dự án Nhà máy May 4	1.760.000.000	-
-Cty TNHH MTV cho thuê tài chính VCB (VCB leasing)	1.029.899.996	1.029.999.996
+ VCB leasing - VND	1.029.899.996	1.029.999.996
Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:		
+ Dự án đầu tư thay thế thiết bị NM nhuộm	1.029.899.996	1.029.999.996
Cộng	265.362.213.330	299.708.813.692
* Vay dài hạn	161.341.158.406	66.468.417.399
-Ngân hàng VCB - Chi nhánh Khánh Hòa	157.517.158.406	60.976.389.183
+ VCB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	79.906.447.694	24.704.623.775
+ VCB - Chi nhánh Khánh Hòa - USD	77.610.710.712	36.271.765.408
Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:		
- Dự án 6 máy dệt kim tròn và 1 máy nhuộm	780.000.000	1.520.000.000
- Dự án lắp đặt trần laphong và hệ thống điều không	1.528.000.000	2.544.000.000
- Dự án 04 máy ghép	-	270.120.000
- Dự án 05 máy Dkim tròn & 15 máy Dkim phẳng	-	1.688.250.000
- DA nhà máy sản xuất vải dệt kim	155.209.158.406	54.954.019.183
-Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Khánh Hòa	3.080.000.000	5.492.028.216
+ BIDV - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	3.080.000.000	5.492.028.216
Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:		
- Dự án quy hoạch NM May 2&4 theo Lean	3.080.000.000	5.492.028.216
-Ngân hàng ABB - Chi nhánh Khánh Hòa	744.000.000	-
+ ABB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	744.000.000	-
Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:		
- Phương án lắp đặt bổ sung 01 máy tách xơ ngoại lai cho dây liên cung bông CO (NMS3)	744.000.000	-
* Nợ dài hạn	85.833.349	1.115.833.345
-Cty TNHH MTV cho thuê tài chính VCB (VCB leasing)	85.833.349	1.115.833.345
+ VCB leasing - VND	85.833.349	1.115.833.345
Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:		
- Dự án đầu tư thay thế thiết bị NM nhuộm	85.833.349	1.115.833.345
cộng	161.426.991.755	67.584.250.744

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHÀ TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

14.3 BẢNG THEO DÕI NỢ VAY NGÂN VÀ DÀI HẠN

STT	Ngân hàng	Số dư đầu kỳ	Vay thêm trong kỳ	Trả nợ	Phân loại nợ dài hạn đến hạn trả	Đánh giá lại nợ có gốc ngoại tệ	Trả nợ/Phân loại nợ dài hạn đến hạn trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ
1	Vay dài hạn	67.584.250.744	100.774.884.945	3.365.687.788	4.921.999.996	(1.355.543.850)	6.932.143.934	161.426.991.755
1.1	Ngân hàng VCB	60.976.389.183	99.412.430.373	2.471.205.000	1.756.000.000	(1.355.543.850)	2.871.661.150	157.517.158.406
1.2	Ngân hàng BIDV	5.492.028.216	242.454.572	894.482.788	1.760.000.000	-	2.654.482.788	3.080.000.000
1.3	Ngân hàng ABB	-	1.120.000.000	-	376.000.000	-	376.000.000	744.000.000
1.4	VCB Leasing - CN TP HCM	1.115.833.345	-	-	1.029.999.996	-	1.029.999.996	85.833.349
2	Vay ngắn hạn	294.941.933.696	800.099.515.078	834.984.949.273	-	(383.813.833)	834.601.135.440	260.440.313.334
2.1	Ngân hàng VCB	201.490.630.593	518.803.048.477	548.540.786.637	-	180.550.086	548.721.336.723	171.572.342.347
2.2	Ngân hàng BIDV	72.932.883.252	120.627.780.848	154.122.647.016	-	(147.385.550)	153.975.261.466	39.585.402.634
2.3	Ngân hàng HSBC	-	56.878.071.282	46.185.009.337	-	2.116.706	46.187.126.043	10.690.945.239
2.4	Ngân hàng MB	20.518.419.851	70.979.564.114	67.532.063.074	-	(419.095.075)	67.112.967.999	24.385.015.966
2.5	Ngân hàng ICB Nha Trang	-	32.811.050.357	18.604.443.209	-	-	18.604.443.209	14.206.607.148
3	Nợ dài hạn đến hạn trả	4.766.879.996	4.921.999.996	4.750.669.996	-	16.310.000	4.766.979.996	4.921.899.996
3.1	Ngân hàng VCB	3.736.880.000	1.756.000.000	3.720.570.000	-	16.310.000	3.736.880.000	1.756.000.000
3.2	Ngân hàng BIDV	-	1.760.000.000	-	-	-	-	1.760.000.000
3.3	Ngân hàng ABB	-	376.000.000	-	-	-	-	376.000.000
3.4	VCB Leasing - CN TP HCM	1.029.999.996	1.029.999.996	1.030.099.996	-	-	1.030.099.996	1.029.899.996
	TỔNG	367.293.064.436	905.796.400.019	843.101.307.057	4.921.999.996	(1.723.047.683)	846.300.259.370	426.789.205.085

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	31/12/2016	01/01/2016
Số dư tại 01/01	1.985.592.567	1.180.442.870
Trích từ lợi nhuận sau thuế	2.127.911.139	2.163.419.067
Tăng khác	158.236.500	61.515.721
Chi khen thưởng, phúc lợi	(1.902.101.199)	(1.419.785.091)
cộng	2.369.639.007	1.985.592.567
15.1 Quỹ khen thưởng	31/12/2016	01/01/2016
Số dư tại 01/01	907.674.807	111.745.274
Trích từ lợi nhuận sau thuế	1.063.955.569	1.081.709.533
Tăng khác	113.370.000	11.370.000
Chi khen thưởng	(934.200.000)	(297.150.000)
cộng	1.150.800.376	907.674.807
15.2 Quỹ phúc lợi	31/12/2016	01/01/2016
Số dư tại 01/01	1.077.917.760	1.068.697.596
Trích từ lợi nhuận sau thuế	1.063.955.570	1.081.709.534
Tăng khác	44.866.500	50.145.721
Chi phúc lợi	(967.901.199)	(1.122.635.091)
cộng	1.218.838.631	1.077.917.760
16.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2016	01/01/2016
- Vốn góp của Tổng CTCP Phong Phú	96.143.750.000	136.143.750.000
- Vốn góp của đối tượng khác	88.856.250.000	48.856.250.000
cộng	185.000.000.000	185.000.000.000
16.2 Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2016	01/01/2016
- Quỹ đầu tư phát triển	22.015.663.659	22.015.663.659
-Thặng dư vốn cổ phần	2.030.000.000	2.030.000.000
cộng	24.045.663.659	24.045.663.659

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

16.3- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Các quỹ khác thuộc VSCH	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2015	185.000.000.000		21.974.036.900	41.626.759	(11.015.000.000)	35.924.300.630	231.924.964.289
- Tăng vốn trong năm nay							
- Lợi nhuận trong năm nay						29.017.911.139	29.017.911.139
- Tăng khác			41.626.759				41.626.759
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi						(2.163.419.067)	(2.163.419.067)
- Thương cho HĐQT và Ban Kiểm soát						(278.000.000)	(278.000.000)
- Trích quỹ đầu tư phát triển							
- Chia cổ tức 2014							
- Bán cổ phiếu quỹ		2.030.000.000			11.015.000.000		(29.600.000.000)
- Giảm khác				(41.626.759)			(41.626.759)
Số dư tại ngày 31/12/2015	185.000.000.000	2.030.000.000	22.015.663.659			32.900.792.702	241.946.456.361
Số dư tại ngày 01/01/2016	185.000.000.000	2.030.000.000	22.015.663.659			32.900.792.702	241.946.456.361
- Tăng vốn trong năm nay							
- Lợi nhuận trong năm nay						20.351.179.058	20.351.179.058
- Tăng khác							
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi						(2.127.911.139)	(2.127.911.139)
- Thương cho HĐQT và Ban Kiểm soát						(290.000.000)	(290.000.000)
- Trích quỹ đầu tư phát triển							
- Chia cổ tức 2015							
- Bán cổ phiếu quỹ						(29.600.000.000)	(29.600.000.000)
- Giảm khác							
Số dư tại ngày 31/12/2016	185.000.000.000	2.030.000.000	22.015.663.659			21.234.060.621	230.279.724.280

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG*Địa chỉ: Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa***BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP****Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

17. Cổ phiếu	31/12/2016	01/01/2016
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.500.000	18.500.000
Trong đó :		
+ Cổ phiếu Tổng công ty CP Phong Phú	9.614.375	13.614.375
+ Cổ phiếu của đối tượng khác	8.885.625	4.885.625
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.500.000	18.500.000
cộng	18.500.000	18.500.000
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phần)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>
18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán:	31/12/2016	01/01/2016
18.1 Tài sản thuê ngoài	305.497.712.100	319.602.531.000
18.2 Ngoại tệ các loại		
- <i>Dollar Mỹ (USD)</i>	<i>51.501,83</i>	<i>45.407,80</i>
- <i>Euro (EUR)</i>	<i>2,86</i>	<i>2,86</i>
18.3 Nợ khó đòi đã xử lý	439.817.834	439.817.834
- <i>Công ty TNHH TMDV Nam Phúc</i>	<i>122.968.739</i>	<i>122.968.739</i>
- <i>Ông Phan Thế Thông</i>	<i>137.134.108</i>	<i>137.134.108</i>
- <i>Ông Lê Trung Hải</i>	<i>179.714.987</i>	<i>179.714.987</i>
* <i>Nguyên nhân xóa sổ: Không tìm thấy đối tượng đòi nợ</i>		

19.1 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục		Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dùng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình							
+ Số dư đầu kỳ		86.019.843.360	445.928.906.834	14.629.384.203	2.468.993.377		549.047.127.774
+ Tăng trong kỳ		12.678.454.184	6.787.848.597	599.000.000	144.000.000		20.209.302.781
- Mua trong kỳ		91.122.728		599.000.000	144.000.000		834.122.728
- Đầu tư XDCB hoàn thành		12.587.331.456	5.687.848.597				18.275.180.053
- Tăng khác			1.100.000.000				1.100.000.000
+ Giảm trong kỳ		16.814.773.947	70.833.172.678	200.000.000			87.847.946.625
- Chuyển sang BĐS đầu tư							
- Thanh lý, nhượng bán		16.814.773.947	70.833.172.678	200.000.000			87.847.946.625
- Giảm khác							
+ Số dư cuối kỳ		81.883.523.597	381.883.582.753	15.028.384.203	2.612.993.377		481.408.483.930
Giá trị hao mòn lũy kế (*)							
+ Số dư đầu kỳ		49.467.824.237	356.637.357.265	9.288.889.309	1.752.435.223		417.146.506.034
+ Tăng trong kỳ		5.837.174.689	13.896.463.716	1.079.040.884	214.608.363		21.027.287.652
- Khấu hao trong kỳ		5.837.174.689	13.896.463.716	1.079.040.884	214.608.363		21.027.287.652
- Tăng khác							
+ Giảm trong kỳ		9.386.274.796	65.188.248.988	200.000.000			74.774.523.784
- Chuyển sang BĐS đầu tư							
- Thanh lý, nhượng bán		9.386.274.796	65.188.248.988	200.000.000			74.774.523.784
- Giảm khác							
+ Số dư cuối kỳ		45.918.724.130	305.345.571.993	10.167.930.193	1.967.043.586		363.399.269.902
Giá trị còn lại của TSCĐ HH							
- Tại ngày đầu kỳ		36.552.019.123	89.291.549.569	5.340.494.894	716.558.154		131.900.621.740
- Tại ngày cuối kỳ		35.964.799.467	76.538.010.760	4.860.454.010	645.949.791		118.009.214.028



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

19.2 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đẫn	Thiết bị dùng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính						
+ Số dư đầu kỳ		5.542.560.188				5.542.560.188
+ Tăng trong kỳ						
- Thuê tài chính trong kỳ						
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
- Tăng khác						
+ Giảm trong kỳ						
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính						
- Giảm khác						
+ Số dư cuối kỳ		5.542.560.188				5.542.560.188
<i>trong đó, KH hết vốn còn sử dụng</i>						
Giá trị hao mòn lũy kế (*)						
+ Số dư đầu kỳ		708.216.048				708.216.048
+ Tăng trong kỳ		369.504.024				369.504.024
- Khấu hao trong kỳ		369.504.024				369.504.024
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
- Tăng khác						
+ Giảm trong kỳ						
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính						
- Giảm khác						
+ Số dư cuối kỳ		1.077.720.072				1.077.720.072
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính						
- Tại ngày đầu kỳ		4.834.344.140				4.834.344.140
- Tại ngày cuối kỳ		4.464.840.116				4.464.840.116

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG*Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa***BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP****Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****VI - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Năm 2016	Năm 2015
1. Tổng doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	835.649.609.049	849.683.301.626
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư thu hồi	199.784.876.625	370.891.492.433
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.580.386.871	86.177.867.918
Cộng	1.048.014.872.545	1.306.752.661.977
2. Các khoản giảm trừ:		
Giảm giá hàng bán - thành phẩm		31.623.505
Cộng		31.623.505
3. Doanh thu thuần		
Doanh thu bán thành phẩm	835.649.609.049	849.651.678.121
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư thu hồi	199.784.876.625	370.891.492.433
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.580.386.871	86.177.867.918
Cộng	1.048.014.872.545	1.306.721.038.472
4. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của thành phẩm	790.255.521.077	780.288.672.188
Giá vốn của hàng hóa, vật tư thu hồi	184.554.839.194	362.430.308.338
Giá vốn cung cấp dịch vụ	7.542.597.708	79.878.198.791
Cộng	982.352.957.979	1.222.597.179.317
5. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	32.964.086	76.729.187
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.454.810.000	1.400.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	486.480.190	1.626.392.155
Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ	717.836.630	
Doanh thu tài chính khác		
Cộng	3.692.090.906	3.103.121.342
6. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	13.576.545.239	15.036.730.278
Lỗ do chuyển nhượng chứng khoán		3.601.773.720
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính		(3.803.093.720)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	339.629.900	515.163.383
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	476.559.327	3.396.855.360
Chi phí tài chính khác		694.006
Cộng	14.392.734.466	18.748.123.027

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Năm 2016	Năm 2015
7. Chi phí bán hàng		
Chi phí cho nhân viên	3.412.399.614	2.154.033.766
Chi phí khấu hao TSCĐ	15.399.996	15.399.996
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	33.243.965	178.054.673
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.692.413.580	6.506.619.991
Chi phí khác	2.180.836.572	1.448.841.560
Cộng	10.334.293.727	10.302.949.986
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí cho nhân viên	20.468.369.130	16.323.853.771
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	648.737.018	867.935.268
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.196.923.541	996.601.033
Thuế phí và lệ phí	2.203.833.602	1.629.484.203
Chi phí dự phòng các khoản phải thu		(8.676.783)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.031.417.330	1.380.848.136
Chi phí khác	6.482.229.890	6.670.150.968
Cộng	32.031.510.511	27.860.196.596
9. Thu nhập khác		
Thu bán, thanh lý tài sản cố định	15.918.516.938	3.212.504.768
Giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý	(12.008.367.387)	(309.445.438)
Lãi thu được từ bán, thanh lý tài sản cố định	3.910.149.551	2.903.059.330
Bồi thường chất lượng hàng hóa	2.374.144.792	
Lãi phạt vi phạm hợp đồng	6.084.104.831	
Các khoản thu nhập khác	10.953.345	2.967.954.401
Cộng	12.379.352.519	5.871.013.731
10. Chi phí khác		
Thuế truy thu, phạt chậm nộp, phạt hành chính	35.607.582	60.300.378
Các khoản chi phí khác	3.800	14.758.192
Cộng	35.611.382	75.058.570
11. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch khấu hao TSCĐ mua của Cty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương		10.106.209
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch chi phí trích trước Công cụ dụng cụ mua của Cty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	(92.437.621)	23.109.417
Cộng	(92.437.621)	33.215.626

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

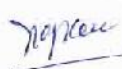
Địa chỉ: Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2016	Năm 2015
+ Chi phí nguyên liệu, vật liệu	820.552.637.542	727.202.123.295
+ Chi phí nhân công	189.648.899.288	174.561.396.383
+ Chi phí khấu hao TSCĐ	21.396.791.676	23.834.238.492
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	112.484.745.997	158.997.867.773
+ Chi phí khác bằng tiền	11.299.784.470	15.097.555.032
Cộng	1.155.382.858.973	1.099.693.180.975

Người lập biểu



Nguyễn Thị Cẩm Vân

Kế toán trưởng



Hồ Đặng Như Duyên

Nha Trang, ngày 13 tháng 01 năm 2017

Tổng giám đốc



Võ Đình Hùng

